

Số: /BGDDĐT-KHTC
V/v đơn đốc triển khai thực hiện Tiêu
dự án 1-Dự án 5 thuộc Quyết định số
1719/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh (theo danh sách đính kèm)

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại tại Tiêu dự án 1-dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (gọi tắt là Dự án 5.1); Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia¹, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Trên cơ sở nguồn vốn của Chương trình 1719 đã được Thủ tướng Chính phủ giao (bao gồm vốn năm 2024 và vốn được kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2024), Ủy ban nhân dân các tỉnh sớm phân bổ kinh phí cho đơn vị chủ trì (bao gồm đầy đủ vốn NSTW và vốn đối ứng của địa phương) để kịp thời triển khai các nhiệm vụ theo đúng tiến độ, kế hoạch của Dự án 5.1.

2. Thực hiện đồng bộ, kịp thời các giải pháp giải ngân vốn đã được giao trong năm 2024 để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Dự án 5.1 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công điện số 24/CĐ-TTg ngày 22/3/2024 về việc đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024.

3. Báo cáo Bộ GDĐT một số nội dung sau:

- Báo cáo kết quả phân bổ dự toán kinh phí của Dự án 5.1 (chi tiết từng nhiệm vụ) về Bộ GDĐT để tổng hợp theo quy định tại Điều 6 và 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về việc Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Ước thực hiện khả năng giải ngân số kinh phí trong 6 tháng đầu năm 2024 của Dự án 5.1 (bao gồm vốn năm 2024 và vốn được kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2024) theo biểu mẫu gửi kèm Công văn này.

- Kiến nghị khó khăn, vướng mắc kèm hướng xử lý (nếu có) trong quá trình thực hiện Dự án 5.1 tại địa phương.

¹ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Báo cáo gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo 35 Đại Cồ Việt, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội trước ngày 25/6/2024 để tổng hợp báo cáo Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan liên quan (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính và gửi bản mềm qua địa chỉ email: nhnamkhtc@moet.gov.vn; di động 0912395758).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Sở GDĐT các tỉnh (để thực hiện);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phạm Ngọc Thương

UBND TỈNH.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Tiểu dự án 1 - Dự án 5 gọi tắt là Dự án 5.1)

(Kèm theo công văn số: **1769** /BGDDĐT-KHTC ngày **11** tháng **6** năm **2024**)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	ƯTH đến T6. 2024	Thực hiện năm 2025	Tổng số	Tỷ lệ
I	Mục tiêu nhiệm vụ của Dự án 5.1 giai đoạn 2021-2025							
1	Xây mới trường PTDTNT (dành cho tỉnh Nghệ An)	Trường					0	
2	Nâng cấp, cải tạo phòng công vụ cho giáo viên	Phòng					0	
3	Nâng cấp, cải tạo phòng ở cho học sinh	Phòng					0	
4	Nâng cấp, cải tạo phòng quản lý học sinh	Phòng					0	
5	Nâng cấp, cải tạo phòng học thông thường và bộ môn	Phòng					0	
6	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa Nhà ăn, nhà bếp	công trình					0	
7	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa Nhà kho chứa lương thực	công trình					0	
8	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa Công trình vệ sinh, nước sạch	công trình					0	
9	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa	công trình					0	
10	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa công trình phụ trợ khác	công trình					0	
11	Mua sắm trang thiết bị dạy học	thiết bị					0	
	Trong đó phục vụ chuyển đổi số	thiết bị					0	
12	Thực hiện xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	người					0	
	Tổng số học viên học XMC giai đoạn 1	người					0	
	Tổng số học viên học XMC giai đoạn 2	người					0	
II	Lũy kế tình hình thực hiện mục tiêu nhiệm vụ đến tháng 6/2024							
1	Xây mới trường PTDTNT (dành cho tỉnh Nghệ An)	Trường					0	#DIV/0!
2	Nâng cấp, cải tạo phòng công vụ cho giáo viên	Phòng					0	#DIV/0!
3	Nâng cấp, cải tạo phòng ở cho học sinh	Phòng					0	#DIV/0!
4	Nâng cấp, cải tạo phòng quản lý học sinh	Phòng					0	#DIV/0!
5	Nâng cấp, cải tạo phòng học thông thường và bộ môn	Phòng					0	#DIV/0!
6	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa Nhà ăn, nhà bếp	công trình					0	#DIV/0!
7	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa Nhà kho chứa lương thực	công trình					0	#DIV/0!
8	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa Công trình vệ sinh, nước sạch	công trình					0	#DIV/0!

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	ƯTH đến T6. 2024	Thực hiện năm 2025	Tổng số	Tỷ lệ
9	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa	công trình					0	#DIV/0!
10	Nâng cấp, cải tạo sửa chữa công trình phụ trợ khác	công trình					0	#DIV/0!
11	Mua sắm trang thiết bị dạy học	thiết bị					0	#DIV/0!
	Trong đó phục vụ chuyên đổi số	thiết bị					0	#DIV/0!
12	Thực hiện xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	người					0	#DIV/0!
	Tổng số học viên học XMC giai đoạn 1	người					0	#DIV/0!
	Tổng số học viên học XMC giai đoạn 2	người					0	#DIV/0!
III	Kinh phí	Triệu đồng						
1	Tổng kinh phí cả giai đoạn 2021-2025		0	0	0	0	0	
	- Vốn đầu tư phát triển	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
	NSTW						0	
	NSDP						0	
	Huy động khác							
	- Vốn sự nghiệp và huy động khác	Triệu đồng	0	0	0	0	0	
	NSTW						0	
	NSDP						0	
	Huy động khác							
2	Lũy kế kinh phí giao đến thời điểm tháng 6/2024		0	0	0	0	0	#DIV/0!
	- Vốn đầu tư phát triển	Triệu đồng	0	0	0	0	0	#DIV/0!
	NSTW						0	#DIV/0!
	NSDP						0	#DIV/0!
	Huy động khác							#DIV/0!
	- Vốn sự nghiệp và huy động khác	Triệu đồng	0	0	0	0	0	#DIV/0!
	NSTW						0	#DIV/0!
	NSDP						0	#DIV/0!
	Huy động khác							#DIV/0!
3	Lũy kế giải ngân kinh phí được cấp đến thời điểm tháng 6/2024	Triệu đồng	0	0	0	0	0	#DIV/0!
	Tổng số							
	NSTW							
	NSDP							
	Huy động khác							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Thực hiện năm 2023	ƯTH đến T6. 2024	Thực hiện năm 2025	Tổng số	Tỷ lệ
4	Chia theo nội dung chi:							
4.1	Xây mới trường PTDNT (dành cho tỉnh Nghệ An)	Triệu đồng					0	
4.2	Nâng cấp, cải tạo phòng công vụ cho giáo viên	Triệu đồng					0	
4.3	Nâng cấp, cải tạo phòng ở cho học sinh	Triệu đồng					0	
4.4	Nâng cấp, cải tạo phòng quản lý học sinh	Triệu đồng					0	
4.5	Nâng cấp, cải tạo phòng học thông thường và bộ môn	Triệu đồng					0	
4.6	Nâng cấp, cải tạo sala chữa Nhà ăn, nhà bếp	Triệu đồng					0	
4.7	Nâng cấp, cải tạo sala chữa Nhà kho chứa lương thực	Triệu đồng					0	
4.8	Nâng cấp, cải tạo sala chữa Công trình vệ sinh, nước sạch	Triệu đồng					0	
4.9	Nâng cấp, cải tạo sala chữa nhà sinh hoạt giáo dục văn hóa	Triệu đồng					0	
4.10	Nâng cấp, cải tạo sala chữa công trình phụ trợ khác	Triệu đồng					0	
4.11	Mua sắm trang thiết bị dạy học	Triệu đồng					0	
	Trong đó phục vụ chuyên đổi số	Triệu đồng					0	
4.12	Thực hiện xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó:						0	
	Bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho CBQL, GV, người tham gia thực hiện công tác xóa mù chữ	Triệu đồng					0	
	Hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ	Triệu đồng					0	
	Hỗ trợ tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm cho giáo viên và học viên	Triệu đồng					0	
	Thông tin, tuyên truyền về công tác xóa mù chữ	Triệu đồng					0	

Ghi chú: Để thuận tiện khi tổng hợp, đề nghị:

- Về mục tiêu nhiệm vụ của Dự án 5.1 giai đoạn 2021-2025, chi cần cập nhật tại cột tổng số
- Về lũy kế tình hình thực hiện mục tiêu nhiệm vụ đến thời điểm báo cáo cập nhật đúng năm báo cáo theo cột
- Không được thay đổi biểu mẫu; cung cấp đầy đủ thông tin trên biểu; thực hiện cộng đồng tổng số.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**DANH SÁCH CÁC TỈNH GỬI CÔNG VĂN**

STT	Tỉnh	STT	Tỉnh
1	Hà Giang	22	Quảng Ngãi
2	Cao Bằng	23	Bình Định
3	Bắc Kạn	24	Phú Yên
4	Tuyên Quang	25	Khánh Hoà
5	Lào Cai	26	Ninh Thuận
6	Điện Biên	27	Bình Thuận
7	Lai Châu	28	Kon Tum
8	Son La	29	Gia Lai
9	Yên Bái	30	Đắk Lắk
10	Hoà Bình	31	Đắk Nông
11	Thái Nguyên	32	Lâm Đồng
12	Lạng Sơn	33	Bình Phước
13	Bắc Giang	34	Tây Ninh
14	Phú Thọ	35	Trà Vinh
15	Thanh Hoá	36	Vĩnh Long
16	Nghệ An	37	An Giang
17	Hà Tĩnh	38	Kiên Giang
18	Quảng Bình	39	Hậu Giang
19	Quảng Trị	40	Sóc Trăng
20	Thừa Thiên Huế	41	Bạc Liêu
21	Quảng Nam	42	Cà Mau